

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 31/7 & 01,02/8/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Nguyễn Sỹ	An	01/02/1972	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt	31/07/2020
2	CNTT02	Vi Thị	Dung	13/02/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	31/07/2020
3	CNTT03	Nguyễn Thị	Duyên	10/03/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
4	CNTT04	Nghiêm Tam	Dương	07/10/1975	Tuyên Quang	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt	31/07/2020
5	CNTT05	Ngọc Thị	Đào	06/05/1992	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.7	6.5	Đạt	31/07/2020
6	CNTT06	Hoàng Ngọc	Điệp	17/01/1986	Nam Định	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
7	CNTT07	Vy Thị Thu	Đông	10/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	31/07/2020
8	CNTT08	Thân Xuân	Được	28/07/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
9	CNTT09	Đoàn Thị	Giang	21/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.5	Đạt	31/07/2020
10	CNTT10	Ngô Thị	Hà	17/08/1976	Bắc giang	Nữ	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
11	CNTT11	Nguyễn Thị	Hà	03/05/1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	31/07/2020
12	CNTT12	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/05/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
13	CNTT13	Đỗ Thị	Hải	04/05/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt	31/07/2020
14	CNTT14	Trịnh Thị Hồng	Hải	18/01/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
15	CNTT15	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	08/11/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt	31/07/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
16	CNTT16	Đoàn Thị	Hiền	29/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.5	Đạt	31/07/2020
17	CNTT17	Ngô Hồng	Hiền	05/11/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	31/07/2020
18	CNTT18	Hoàng Văn	Hòa	04/02/1976	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt	31/07/2020
19	CNTT19	Đồng Quang	Hợp	10/08/1964	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt	31/07/2020
20	CNTT20	Hoàng Ngọc	Huân	14/09/1986	Nam Định	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt	31/07/2020
21	CNTT21	Đặng Thúy	Huệ	10/11/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt	31/07/2020
22	CNTT22	Trần Thị	Huệ	01/01/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	31/07/2020
23	CNTT23	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/12/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	7.3	7.0	Đạt	31/07/2020
24	CNTT24	Đinh Thị Thu	Hương	23/05/1981	Hà Nội	Nữ	Kinh	8.0	7.5	Đạt	31/07/2020
25	CNTT25	Đặng Thị	Hường	02/01/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt	31/07/2020
26	CNTT26	Nguyễn Thị Thu	Hường	12/05/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	6.5	Đạt	31/07/2020
27	CNTT27	Phạm Ngọc	Kiên	22/10/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	6.5	Đạt	31/07/2020
28	CNTT28	Trần Anh	Kiên	17/10/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
29	CNTT29	Nguyễn Thị Kim	Liên	12/03/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.5	Đạt	31/07/2020
30	CNTT30	Trần Thị	Lý	20/03/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7.2	6.5	Đạt	31/07/2020
31	CNTT31	Đồng Văn	Nam	30/03/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt	31/07/2020
32	CNTT32	Đỗ Thị	Ngân	29/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
33	CNTT33	Đoàn Thị	Thoa	02/04/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	8.0	Đạt	31/07/2020
34	CNTT34	Hoàng Thị Hương	Thoa	15/03/1981	Bắc Giang	Nữ	Tày	8.0	8.0	Đạt	31/07/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
35	CNTT35	Vi Mạnh	Toàn	06/07/1992	Bắc Giang	Nam	Tày	7.2	7.5	Đạt	31/07/2020
36	CNTT36	Ngô Minh	Tú	03/03/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
37	CNTT37	Nguyễn Thị	Tuyết	07/05/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt	31/07/2020
38	CNTT38	Đỗ Anh	Tuấn	05/12/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
39	CNTT39	Nguyễn Văn	Viên	02/02/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	6.5	Đạt	31/07/2020
40	CNTT40	Đặng Đình	Vinh	02/02/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.5	Đạt	31/07/2020
41	CNTT41	Đặng Xuân	Anh	13/12/1977	Phú Thọ	Nam	Kinh	8.5	8.0	Đạt	31/07/2020
42	CNTT42	Nguyễn Thị Kim	Anh	10/06/1970	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	31/07/2020
43	CNTT43	Nguyễn Thị	Chi	11/04/1978	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	31/07/2020
44	CNTT44	Nguyễn Kiên	Chinh	12/01/1972	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	31/07/2020
45	CNTT45	Nguyễn Văn	Dũng	05/09/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	8.0	Đạt	31/07/2020
46	CNTT46	Đào Thị	Duyên	21/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	31/07/2020
47	CNTT47	Nguyễn Thị	Được	03/04/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
48	CNTT48	Trần Hữu	Giáp	27/06/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt	31/07/2020
49	CNTT49	Nguyễn Nam	Hà	19/11/1978	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
50	CNTT50	Nguyễn Thị	Hiên	08/05/1982	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	31/07/2020
51	CNTT51	Hoàng Thị Thúy	Hiên	27/02/1970	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.5	7.5	Đạt	31/07/2020
52	CNTT52	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	31/01/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	31/07/2020
53	CNTT53	Nguyễn Thị Thu	Hiên	04/01/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
54	CNTT54	Nguyễn Văn	Hiện	20/03/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	7.0	Đạt	31/07/2020
55	CNTT55	Đặng Thị Ánh	Hoa	20/07/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt	31/07/2020
56	CNTT56	Lê	Hoàn	25/01/1986	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	8.0	Đạt	31/07/2020
57	CNTT57	Nguyễn Kim	Hùng	28/01/1976	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
58	CNTT58	Vũ Đình	Huy	01/08/1987	Bắc Ninh	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
59	CNTT59	Lê Thị	Hương	23/03/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt	31/07/2020
60	CNTT60	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/10/1976	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt	31/07/2020
61	CNTT61	Ngô Anh	Khôi	12/04/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt	31/07/2020
62	CNTT62	Vương Ngọc	Kiên	29/03/1982	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt	31/07/2020
63	CNTT63	Trịnh Thị Hương	Lan	07/12/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt	31/07/2020
64	CNTT64	Nguyễn Anh	Linh	27/05/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.2	7.0	Đạt	31/07/2020
65	CNTT65	Vũ Văn	Linh	15/12/1991	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.7	7.5	Đạt	31/07/2020
66	CNTT66	Nguyễn Thị	Mỹ	20/08/1973	Bắc Ninh	Kinh	Kinh	7.0	8.0	Đạt	31/07/2020
67	CNTT67	Lê Duy	Nhất	20/06/1982	Bắc Ninh	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
68	CNTT68	Đông Thị Tuyết	Nhung	24/05/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.7	6.5	Đạt	31/07/2020
69	CNTT69	Nguyễn Văn	Pháp	07/01/1981	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.7	7.5	Đạt	31/07/2020
70	CNTT70	Nguyễn Công	Phúc	25/03/1980	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.0	6.5	Đạt	31/07/2020
71	CNTT71	Nguyễn Thu	Phương	06/11/1976	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7.2	7.0	Đạt	31/07/2020
72	CNTT72	Đinh Thị Phương	Thảo	01/11/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.0	Đạt	31/07/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
73	CNTT73	Nguyễn Vinh	Thích	06/03/1980	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt	31/07/2020
74	CNTT74	Trần Quang	Thiện	08/07/1981	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.7	7.0	Đạt	31/07/2020
75	CNTT75	Trương Văn	Thọ	01/05/1968	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	8.0	Đạt	31/07/2020
76	CNTT76	Nguyễn Thị	Thom	20/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.7	7.0	Đạt	31/07/2020
77	CNTT77	Lương Thị Hồng	Thúy	06/09/1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.7	8.0	Đạt	31/07/2020
78	CNTT78	Ngô Thị Thu	Thủy	03/08/1983	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.2	7.5	Đạt	31/07/2020
79	CNTT79	Nguyễn Thanh	Thủy	06/09/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	8.0	Đạt	31/07/2020
80	CNTT80	Nguyễn Đức	Thương	26/12/1987	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt	31/07/2020
81	CNTT81	Hà Văn	Trọng	02/06/1968	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt	31/07/2020
82	CNTT82	Lê Đức	Tùng	10/07/1972	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	8.0	Đạt	31/07/2020
83	CNTT83	Nguyễn Gia Khánh	Tuyên	02/09/1978	Hà Nội	Nam	Kinh	7.0	7.5	Đạt	31/07/2020
84	CNTT84	Hoàng Văn	Bình	02/03/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
85	CNTT85	Đàm Thị	Cần	26/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6.7	7.0	Đạt	31/07/2020
86	CNTT86	Vi Đức	Chính	10/06/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt	31/07/2020
87	CNTT87	Lê Thành	Chung	18/09/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	8.0	Đạt	31/07/2020
88	CNTT88	Vũ Duy	Cương	27/09/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt	31/07/2020
89	CNTT89	Nguyễn Thị	Đào	08/09/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	Đạt	31/07/2020
90	CNTT90	Hoàng Ngọc	Đạt	28/03/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
91	CNTT91	Âu Lệ	Giang	20/11/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	6.0	Đạt	31/07/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
92	CNTT92	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/04/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
93	CNTT93	Trần Thị	Hiên	20/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt	31/07/2020
94	CNTT94	Nguyễn Thị	Hoa	01/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt	31/07/2020
95	CNTT95	Chu Thị	Huế	01/05/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt	31/07/2020
96	CNTT96	Nguyễn Thị	Hường	02/09/1971	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
97	CNTT97	Nguyễn Thị	Liên	04/12/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.0	Đạt	31/07/2020
98	CNTT98	Nguyễn Thị Thanh	Loan	10/09/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
99	CNTT99	Ngô Văn	Lợi	18/10/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
100	CNTT100	Trịnh Thị	Lương	24/06/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	5.5	Đạt	31/07/2020
101	CNTT101	Nguyễn Thị	Ngoan	04/04/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt	31/07/2020
102	CNTT102	Vì Thị	Nhài	24/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.0	Đạt	31/07/2020
103	CNTT103	Nguyễn Thị	Nhất	02/10/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.5	Đạt	31/07/2020
104	CNTT104	Hà Thị	Nhung	02/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	31/07/2020
105	CNTT105	Trần Thị Chung	Oanh	10/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6.7	6.5	Đạt	31/07/2020
106	CNTT106	Hoàng Đức	Phương	30/11/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt	31/07/2020
107	CNTT107	Lương Xuân	Phương	13/06/1997	Lào Cai	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
108	CNTT108	Nguyễn Thị Minh	Phượng	11/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt	31/07/2020
109	CNTT109	Trần Văn	Tám	05/04/1990	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7.2	6.5	Đạt	31/07/2020
110	CNTT110	Vũ Văn	Thành	30/12/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
111	CNTT111	Dương Thị	Thảo	23/04/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt	31/07/2020
112	CNTT112	Trần Thị	Thảo	15/08/1997	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
113	CNTT113	Trịnh Thị Hải	Thu	14/03/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	Đạt	31/07/2020
114	CNTT114	Tạ Thị	Thúy	23/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	8.0	Đạt	31/07/2020
115	CNTT115	Tạ Thị	Thúy	23/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
116	CNTT116	Ngô Thị	Thùy	29/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt	31/07/2020
117	CNTT117	Tạ Thị	Thủy	03/10/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt	31/07/2020
118	CNTT118	Đàm Thị	Thương	16/12/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
119	CNTT119	Hoàng Thị	Tuyết	10/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	6.5	Đạt	31/07/2020
120	CNTT120	Vi Văn	Vang	10/05/1992	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt	31/07/2020
121	CNTT121	Lê Thị	Vân	06/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
122	CNTT122	Lê Xuân	Xuyên	15/07/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt	31/07/2020
123	CNTT123	Hoàng Thị Phương	Anh	21/12/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt	01/08/2020
124	CNTT124	Chu Thị	Bến	16/10/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	01/08/2020
125	CNTT125	Đặng Thị	Dung	16/04/1991	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.7	7.0	Đạt	01/08/2020
126	CNTT126	Mai Thị	Dung	07/01/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	8.0	Đạt	01/08/2020
127	CNTT127	Nông Thị	Duyên	08/07/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	-	-	-	Bỏ thi
128	CNTT128	Trần Văn	Hà	09/12/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.5	Đạt	01/08/2020
129	CNTT129	Nguyễn Thị	Hải	02/07/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	Đạt	01/08/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
130	CNTT130	Nguyễn Văn	Hanh	22/03/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.5	Đạt	01/08/2020
131	CNTT131	Chu Thị	Hậu	14/01/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.7	6.0	Đạt	01/08/2020
132	CNTT132	Trần Thị Thu	Hiền	27/11/1980	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
133	CNTT133	Nguyễn Thị	Hiện	18/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.5	Đạt	01/08/2020
134	CNTT134	Nguyễn Minh	Hiếu	29/10/1990	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.5	Đạt	01/08/2020
135	CNTT135	Hoàng Trọng	Hinh	31/05/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
136	CNTT136	Lăng Văn	Hoàng	26/08/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	7.0	Đạt	01/08/2020
137	CNTT137	Hoàng Ngọc	Hồng	07/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.5	Đạt	01/08/2020
138	CNTT138	Chu Đức	Hung	27/03/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.5	Đạt	01/08/2020
139	CNTT139	Nông Thị Quỳnh	Hương	19/12/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
140	CNTT140	Nguyễn Thúy	Hường	26/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	6.0	Đạt	01/08/2020
141	CNTT141	Hoàng Văn	Khanh	30/03/1989	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	7.5	Đạt	01/08/2020
142	CNTT142	Nông Văn	Khánh	11/02/1982	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt	01/08/2020
143	CNTT143	Hứa Thị	Kiều	16/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	Đạt	01/08/2020
144	CNTT144	Hoàng Ngọc	Lành	07/04/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	-	-	-	Bỏ thi
145	CNTT145	Nông Văn	Lâm	27/09/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.5	Đạt	01/08/2020
146	CNTT146	Hoàng Thị	Len	11/03/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	Đạt	01/08/2020
147	CNTT147	Nguyễn Ánh	Lê	07/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	6.5	Đạt	01/08/2020
148	CNTT148	Hoàng Thị	Luyến	14/11/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	8.0	Đạt	01/08/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
149	CNTT149	Trần Thị	Nga	06/06/1984	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.7	7.5	Đạt	01/08/2020
150	CNTT150	Lý Thị	Ngọc	15/09/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
151	CNTT151	Đường Mai	Phương	18/05/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	7.0	Đạt	01/08/2020
152	CNTT152	Nguyễn Văn	Quân	20/11/1973	Thái Bình	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
153	CNTT153	Nông Thị Huyền	Quyên	19/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.0	Đạt	01/08/2020
154	CNTT154	Nguyễn Thái	Son	15/02/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt	01/08/2020
155	CNTT155	Nông Phương	Thảo	02/12/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.5	Đạt	01/08/2020
156	CNTT156	Hoàng Thu	Trang	19/02/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.5	Đạt	01/08/2020
157	CNTT157	Tô Xuân	Trường	18/09/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	7.5	Đạt	01/08/2020
158	CNTT158	Nông Minh	Tuấn	22/02/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	7.5	Đạt	01/08/2020
159	CNTT159	Lương Thị	Vượng	14/05/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
160	CNTT160	Nông Thị	Xuyến	21/10/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.0	Đạt	01/08/2020
161	CNTT161	Vũ Văn	Anh	11/01/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.5	Đạt	02/08/2020
162	CNTT162	Hoàng Văn	Bằng	29/04/1963	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt	02/08/2020
163	CNTT163	Hoàng Minh	Chiến	21/08/1991	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt	02/08/2020
164	CNTT164	Hoàng Đình	Chung	10/11/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt	02/08/2020
165	CNTT165	Lê Văn	Chung	05/07/1970	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	02/08/2020
166	CNTT166	Đàm Thị	Diệp	29/06/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.5	Đạt	02/08/2020
167	CNTT167	Dương Anh	Dũng	28/08/1968	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.5	Đạt	02/08/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
168	CNTT168	Phạm Tiến	Dũng	06/12/1963	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.5	Đạt	02/08/2020
169	CNTT169	Hoàng Đình	Duy	24/06/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.0	Đạt	02/08/2020
170	CNTT170	Đoàn Kim	Dư	13/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.5	Đạt	02/08/2020
171	CNTT171	Đặng Ba	Duy	23/10/1992	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	7.5	Đạt	02/08/2020
172	CNTT172	Nguyễn Thị	Đức	01/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	02/08/2020
173	CNTT173	Vy Thị Hương	Giang	12/09/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.0	Đạt	02/08/2020
174	CNTT174	Hoàng Văn	Hà	07/01/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.5	Đạt	02/08/2020
175	CNTT175	Lê Xuân	Hà	15/10/1968	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt	02/08/2020
176	CNTT176	Nguyễn Thị	Hạnh	12/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.5	Đạt	02/08/2020
177	CNTT177	Nguyễn Thị	Hằng	10/08/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	02/08/2020
178	CNTT178	Hoàng Thị Thu	Hiền	06/11/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.0	Đạt	02/08/2020
179	CNTT179	Lộc Thị	Hoa	18/09/1975	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	7.5	Đạt	02/08/2020
180	CNTT180	Lương Thị	Hoa	29/07/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.5	Đạt	02/08/2020
181	CNTT181	Hoàng Thị	Hòa	12/04/1993	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	Đạt	02/08/2020
182	CNTT182	Lê Khắc	Hoàn	08/03/1972	Nghệ An	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt	02/08/2020
183	CNTT183	Lường Thị	Hôm	10/09/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	6.5	Đạt	02/08/2020
184	CNTT184	Hà Thanh	Huyền	19/08/1989	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	02/08/2020
185	CNTT185	Hoàng Thị	Huyền	24/10/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.5	Đạt	02/08/2020
186	CNTT186	Trần Thị Lan	Hương	15/09/1986	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt	02/08/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
187	CNTT187	Đoàn Bá	Luyện	19/09/1970	Hà Nam	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt	02/08/2020
188	CNTT188	Hoàng Thị	Mai	01/04/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
189	CNTT189	Chu Ngọc	Muôn	10/12/1967	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
190	CNTT190	Lã Tuấn	Nam	20/08/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	8.0	Đạt	02/08/2020
191	CNTT191	Hoàng Thị Thanh	Ngân	21/05/1966	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	8.0	Đạt	02/08/2020
192	CNTT192	Bế Thị	Ngoan	08/06/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.5	Đạt	02/08/2020
193	CNTT193	Vy Thị	Nông	24/08/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
194	CNTT194	Phạm Ngọc	Oanh	17/07/1970	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
195	CNTT195	Chu Thị	Phượng	04/11/1970	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
196	CNTT196	Nông Văn	Quân	10/01/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.7	8.0	Đạt	02/08/2020
197	CNTT197	Đặng Minh	Son	17/02/1968	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
198	CNTT198	Nguyễn Ngọc	Son	05/02/1994	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt	02/08/2020
199	CNTT199	Nguyễn Thị	Thái	13/12/1968	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.7	8.0	Đạt	02/08/2020
200	CNTT200	Dương Hữu	Thanh	01/01/1968	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.7	7.5	Đạt	02/08/2020
201	CNTT201	Hoàng Văn	Thắng	13/06/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	7.5	Đạt	02/08/2020
202	CNTT202	Đinh Thị	Thoan	22/02/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	8.0	Đạt	02/08/2020
203	CNTT203	Hoàng Thị Mai	Thu	29/04/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	7.0	Đạt	02/08/2020
204	CNTT204	Hà Văn	Thùy	23/06/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	7.0	Đạt	02/08/2020
205	CNTT205	Nguyễn Hoài	Thương	09/09/1998	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	7.0	Đạt	02/08/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
206	CNTT206	Lý Văn	Tiến	02/04/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt	02/08/2020
207	CNTT207	Hoàng Văn	Tĩnh	20/11/1980	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	8.0	Đạt	02/08/2020
208	CNTT208	Lê Thị Huyền	Trang	15/01/1995	Sơn La	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	02/08/2020
209	CNTT209	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/01/1987	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt	02/08/2020
210	CNTT210	Nguyễn Phú	Tuần	29/04/1993	Phú Thọ	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020
211	CNTT211	Hoàng Thị	Vân	18/10/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	8.0	Đạt	02/08/2020
212	CNTT212	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	14/04/1970	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	7.5	Đạt	02/08/2020
213	CNTT213	Nguyễn Đình	Yêm	19/11/1964	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	7.0	Đạt	02/08/2020

Tổng số thí sinh theo danh sách: 213

Số thí sinh bỏ thi: 17

Số thí sinh dự thi: 196

Số thí sinh đạt yêu cầu: 196

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

Bắc Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Ngọc Quang